

Số: 30/2018/QĐST-HNGĐ

Tân Lạc, ngày 07 tháng 5 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 19/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018, giữa:

+ *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn D** (tên gọi khác là Nguyễn Đức D), sinh năm 1972. Địa chỉ: Xóm Đ, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

+ *Bị đơn*: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Xóm Đ, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ngân hàng N

Địa chỉ trụ sở: Số x L H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H** – Giám đốc Phòng Giao dịch M – Chi nhánh Ngân hàng N huyện Tân Lạc. (Theo văn bản ủy quyền số 5xx/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N và văn bản số 124/NHN₀TL-UQ, ngày 26/4/2018 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N huyện Tân Lạc).

Cụ **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1939.
Địa chỉ: Phố L, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1963.
Địa chỉ: Phố L, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Bà **Vũ Thị H** (tên gọi khác là Vũ Thị K), sinh năm 1970.
Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, khoản 1 Điều 59, khoản 1 Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn D (tức Nguyễn Đức D) và bà Phạm Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn D (tức Nguyễn Đức D) và bà Phạm Thị L thuận tình ly hôn nhau.

2.2. *Về con chung*: Ông Nguyễn Văn D (tức Nguyễn Đức D) và bà Phạm Thị L có 03 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 26/4/1994, Nguyễn Thị D, sinh ngày 09/7/1995 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 02/5/2000. Khi ly hôn, vì các con chung đã trưởng thành và không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các bên đương sự tự thống nhất phân chia tài sản chung, nợ chung và đề nghị Tòa án công nhận như sau:

Các tài sản chung gồm có: Có 03 thửa đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: thửa thứ nhất tại khu P, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình có diện tích là 1.358m² gồm đất ở và đất vườn (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 129xxx cấp ngày 30/6/2014); thửa đất thứ hai tại xóm A, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình là đất vườn có diện tích là 1.509,9m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 123xxx cấp ngày 23/8/2013); thửa thứ ba là đất ở tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình có diện tích 593m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1xxx/QSDĐ cấp ngày 04/10/2001). Một ngôi nhà trên thửa đất tại khu P, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình; 01 xe mô tô Honda Vision có BKS 28E1- 108.xx; 01 TV 48 inch; 01 tủ lạnh; 01 máy giặt; 01 kệ TV, 03 giường; 01 phản gỗ PAM; 02 xe mô tô do Trung Quốc sản xuất (01 màu xanh có BKS 28F1- 90xx, 01 màu đỏ có KBS 28F1-27xx); Giá trị thửa đất còn 03 năm (đến năm 2021) là 8.000.000đ/năm = 24.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế; 02 giếng khoan; 03 máy bơm; 01 máy ép nước mía; 08 bộ bàn ghế bán hàng.

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng N– Chi nhánh huyện Tân Lạc – Phòng Giao dịch M số tiền 140.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3007/LAV201705xxx ngày 08/12/2017 và được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 113660xxx/HĐTC ngày 04/12/2017 (do cụ Nguyễn Văn L thế chấp); Nợ bà Vũ Thị H (tức K) số tiền 40.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn C nợ ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị L số tiền 25.000.000 đồng.

Khi ly hôn: đối với thửa đất tại khu P, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình có chiều giáp mặt đường QL6 là 30m nhưng chiều sâu đất không bằng nhau. Do vậy chia làm 4 thửa theo chiều mặt đường QL6; mỗi thửa có chiều rộng theo mặt QL6 là 7,5m. Tính từ hướng Hà Nội đi Sơn La, thửa đầu tiên thuộc quyền sử dụng của bà Phạm Thị L, thửa thứ hai có ngôi nhà chung thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn D, thửa thứ ba thuộc quyền sử dụng của bà Phạm Thị L và thửa thứ tư thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn D. Đối với thửa đất tại xóm A, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình chia đôi; ông Nguyễn Văn D một phần, bà Phạm Thị L một phần bằng nhau.

Đối với thửa đất tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình tặng cho con chung là Nguyễn Văn D.

Đối với những tài sản là động sản bà Phạm Thị L được quyền sở hữu 01 TV; 01 tủ lạnh; 01 kệ để TV; 01 máy ép nước mía; 02 giường; 01 máy bơm và 01 bình nóng lạnh. Tặng cho con chung là Nguyễn Thị D chiếc xe mô tô Honda Vision BKS 28E1-108.xx. Các tài sản là động sản còn lại thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn D.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn D nhận nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Tân Lạc – Phòng Giao dịch M khoản tiền 140.000.000 (*Một trăm bốn mươi triệu*) đồng theo hợp đồng tín dụng số 3007/LAV201705xxx ngày 08/12/2017, khi đến hạn ngày 08/12/2018 và nhận nghĩa vụ thanh toán trả khoản nợ 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng cho bà Vũ Thị H (tức K). Ông Nguyễn Văn D được quyền sử dụng đất thầu trồng mía còn lại đến tháng 3 năm 2021.

Cụ Nguyễn Văn L nhận tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 113660xxx/HĐTC ngày 04/12/2017 đã ký với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Tân Lạc – Phòng Giao dịch M để bảo đảm khoản vay 140.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn D.

Ông Nguyễn Văn C nhận nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ 25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu*) đồng cho ông Nguyễn Văn D khi ông Nguyễn Văn D thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Tân Lạc – Phòng Giao dịch M.

2.4. *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn D nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004658 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; ông Nguyễn Văn D còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
 - Viện KSND tỉnh Hòa Bình;
 - Viện KSND huyện Tân Lạc;
 - Các đương sự;
 - Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
 - UBND xã K – huyện K – Ninh Bình;
- (*Nơi đăng ký kết hôn ngày 22/02/1993*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(*Đã ký*)

Phạm Cao Sơn